



PIONEER SHIPBROKERS CO., LTD.

(A MEMBER OF THE VIETNAM SHIPOWNER'S ASSOCIATION)

SHIP SALE & PURCHASE – CHARTERING – SHIP EVALUATION

No.32, Ngan Long villas, Nguyen Huu Tho Street, Nha Be District, HCMC

Tel: 028-38817289

www.pioneershipbrokers.com.vn

Nhằm phục vụ nhu cầu của khách hàng và cập nhật thông tin thị trường ngày càng tốt hơn, công ty môi giới hàng hải Tiên Phong (Pioneer Shipbrokers) giới thiệu đến quý khách hàng ứng dụng **Pioneer Shipbrokers** có trên **iOS và Android**, công cụ hữu ích cho khách hàng quan tâm lĩnh vực mua bán tàu biển và thông tin thị trường

TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

TUẦN 11/2024

(12/03/2024 – 18/03/2024)

1. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÃ QUA SỬ DỤNG:

Kể từ đầu năm đến nay, tình hình căng thẳng ở khu vực Biển Đỏ chưa suy giảm. Ngày càng nhiều tàu chở dầu/chở hàng bị tấn công khi chạy khu vực này làm thiệt hại cả về người và tài sản (trong đó kênh đào Suez là huyết mạch ngắn nhất nối liền giao thương châu Âu và Châu Á). Ngoài ra, nhiều vụ tấn công không được báo cáo hoặc báo cáo hạn chế nên khủng hoảng thực tế sẽ còn nhiều hơn. Do vậy, việc tổ chức Liên Hợp Quốc cùng các quốc gia liên quan nỗ lực tăng cường an ninh cũng như đàm phán/giải quyết khủng hoảng tại đây là điều cấp bách để đảm bảo an toàn cho chuỗi cung ứng toàn cầu và hoạt động ngành vận tải biển.

Ở mảng tàu hàng khô, tuần qua chỉ số BDI chỉ nhích nhẹ thêm 42 điểm, hiện đóng cửa ở mức 2.419 điểm. Nhìn chung cước thuê tuần qua: trong khi cước Capesize giảm 5,5% thì Panamax vượt lên dẫn đầu với khi cước tăng trung bình 15-20%, riêng cước Supramax và Handysize thì tăng nhẹ quanh mức 1,5-2,5%. So sánh tổng quan chỉ số thị trường thuê tàu trong 3 tháng (mục 3.1 bên dưới), hiện nay dẫn đầu là phân khúc Capesize do tăng mạnh trong 1 tháng qua, riêng các phân khúc còn lại tăng giảm liên tục đến nay mới quay lại mặt bằng ba tháng trước (giai đoạn 14/12/2023 chỉ số BDI cũng khoảng 2.411 điểm) Đối với thị trường mua bán tàu, các giao dịch tuần qua cực kỳ sôi động và tập trung chủ yếu ở phân khúc Panamax và Supramax (11-13 tuổi). Ở phân khúc 55k, tuần qua **Queen Busan** (55.474 dwt, đóng 2010 Nhật, DD/SS 01/2025) được chủ tàu Nhật bán đấu giá và chốt ở mức trên 17 triệu đô la Mỹ một chút. Mức này cao hơn gần 5% so với tàu **Konrad Schulte** (53.621 dwt, đóng 2010 Nhật, DD/SS 09/2025) bán tháng trước với giá chỉ khoảng 16,2 triệu đô la Mỹ. Giá tàu **Queen Busan** sẽ là mốc tham chiếu cho các tàu tương tự đóng Nhật trong thời gian tới. Tuần qua tàu già hơn **Straits Bay** (55.840 dwt, đóng 2007 Nhật) cũng được chốt với giá khoảng 14 triệu đô la Mỹ, vừa qua đã DD 1/2024. Mức giá này khá mềm khi so sánh với các tàu tương tự đang chào bán trên thị trường hiện nay. Bên cạnh đó, giá tàu Supramax tương tự đóng Trung Quốc cũng đang tăng trung bình từ 5% so với tháng trước. Ở phân khúc Handysize, tàu **Asian Bulker** (36.228 dwt, đóng 2017 Nhật, DD 05/2025, SS 04/2027) vừa bán với giá khoảng 24 triệu đô la Mỹ. Cách đây gần 1 tháng chủ tàu Đan Mạch Lauritzen đã bán tàu chị em **Australian Bulker** (36.228 dwt, đóng 2017 Nhật, DD 08/2025, SS 10/2027) với giá tương tự. Hai tàu trên đều có thiết kế hầm hàng hộp, chở gỗ được, đã hệ thống xử lý nước dằn và máy lọc khí scrubber. Tàu Handysize già hơn đóng Hàn Quốc **Omnia** (36.787 dwt, đóng 2011, SS 08/2026) vừa bán với giá khoảng 15,5 triệu đô la Mỹ. Mức này khá mềm do tàu sắp lên đã trung gian tháng 10/2024.

Ở mảng tàu dầu/hóa chất, chỉ số thuê tàu BCTI (Baltic Clean Tanker Index) trên đà tăng trở lại (23% so với tuần trước) còn chỉ số BDTI (Baltic Dirty Tanker Index) chỉ tăng nhẹ 1,3%. Sở dĩ các chỉ số tăng trở lại do Cơ quan Năng lượng quốc tế (IEA) nâng dự báo nhu cầu dầu lên 1,3 triệu thùng/ngày khi các tàu chạy khu vực Biển Đỏ đang phải đi đường tránh xa hơn trong khi dự trữ dầu toàn cầu ở mức thấp nhất kể từ năm 2016. Do đó, hiển nhiên là cước thuê tàu tháng này đã tăng so với tháng trước do nhu cầu dự trữ dầu cao (chủ yếu khu vực Á- Âu), song đáng nói rằng chi phí khai thác tàu cũng đang tăng (nhiên liệu tăng, thời gian chờ tàu

lâu...) nên trên thực tế, hiệu quả khai thác đang có phần giảm so với trước đây. Dù từ giữa năm 2023 đến nay có nhiều đơn đặt đóng mới tàu, song các xưởng đều quá tải, thời gian chờ dài, chi phí cao nên có thể xem tiến độ tăng trưởng đội tàu dầu/hóa chất là “hoi muộn”. Theo thống kê, đội tàu dầu/hóa chất trên thế giới hiện chiếm gần một nửa là tàu già trên 15 tuổi. Trong đó, VLCC đang đối mặt với “sự thiếu hụt” nghiêm trọng khi có khoảng 269 tàu đã hơn 16 tuổi (chiếm khoảng 30% đội tàu VLCC) nhưng ghi nhận chưa đầy 40 tàu đang đặt đóng mới (dự kiến bàn giao 2026-2027). Bên cạnh đó, do khủng hoảng ở Biển Đỏ, nên các chủ tàu khai thác khu vực này phải triển khai chạy đường vòng, dần dà sẽ ảnh hưởng các khu vực khác. Do đó, dự báo trong tương lai cước thuê tàu sẽ còn tăng do nguồn cung tàu hạn chế (các tàu quá già sẽ không còn phù hợp để khai thác vì khó đáp ứng tiêu chuẩn IMO).

Không có nhiều giao dịch mua bán tàu trong tuần qua. Ở phân khúc Aframax, ghi nhận chủ tàu Thụy Sĩ bán tàu **Alpine Aqualina** (105.304 dwt, đóng 2011 Hàn Quốc, đã lắp máy lọc khí scrubber, DD 10/2025, SS 02/2026) với giá khoảng 45,5 triệu đô la Mỹ (tháng 12/2023 có tin tàu chốt với giá 44,5 triệu đô la Mỹ song thất bại). Đây sẽ là mốc tham khảo cho các tàu tương tự trong thời gian tới. Bên cạnh đó, giá tàu MR vẫn tiếp tục neo ở mức cũ. Tuần qua tàu chemical **Hansa Bergen** (51.218 dwt, đóng 2007 Hàn Quốc, DD 08/2024, SS 08/2026) được chủ tàu Đức bán với giá khoảng 22,2 triệu đô la Mỹ. Cách đây hơn 1 tháng, tàu chị em **Hansa Oslo** (51.215 dwt, đóng 2007 Hàn Quốc, DD 06/2025, SS 05/2027) cũng được bán thành công với giá tương tự. Tàu pumproom đóng Nhật **Pacific Jewel** (48.012 dwt, đóng 2009, đã lắp hệ thống xử lý nước dẫn) được bán với giá 24,8 triệu đô la Mỹ. Mức giá này là hợp lý do chủ tàu cần bán nhanh trước khi lên đà tháng 7/2024. Tháng 2 vừa qua, tàu tương tự già hơn hai tuổi **Fos Power** (47.371 dwt, đóng 2007 Nhật, đã lắp hệ thống xử lý nước dẫn, DD 12/2025, SS 04/2027) được bán với giá khoảng 22 triệu đô la Mỹ.

Bảng ghi nhận các giao dịch mua bán tàu đã qua sử dụng trong tuần qua:

Name	Blt Year	Blt Place	Dwt	Price M.USD	Buyers	Comment
BULKERS / GENERAL CARGO CARRIERS						
Atlantic Tiger	2020	China	209,338	71.00		BWTS & scrubber fitted, DD/SS 04/2025
Atlantic Lion	2020	China	209,205	71.00	Pan Ocean	BWTS & scrubber fitted, DD/SS 08/2025
Atlantic Dragon	2020	China	209,170	71.00		BWTS & scrubber fitted, DD/SS 03/2025
Mount Kinabalu	2007	Japan	203,185	Undisclosed	Singaporean	Old sale, scrubber fitted, DD 07/2025, SS 03/2027
Castillo De Catoira	2005	China	173,587	17.00	Undisclosed	DD/SS 08/2025
Maria G.O.	2011	China	87,378	17.00	Undisclosed	BWTS fitted, DD 09/2024, SS 07/2026
Key Guardian	2011	Japan	83,468	23.75	Itiro Corp	DD/SS 04/2026
Sterling Tora	2010	China	79,474	14.25	Undisclosed	DD/SS 04/2025
Ocean Prince	2004	Japan	76,423	9.00	Undisclosed	To be delivered at shipyard with DD/SS due 03/2024
Vitahorizon	2007	China	74,483	12.50	Undisclosed	BWTS fitted, DD/SS 03/2025
Thetis	2013	China	57,981	17.50	Undisclosed	BWTS fitted, DD/SS 09/2025
Jiu Heng	2011	China	56,956	13.00	Undisclosed	DD/SS 04/2025
Hony World	2012	China	56,716	14.70	Undisclosed	DD 07/2025, SS 07/2027

NZ Hangzhou	2012	China	56,709	Undisclosed	Greek	DD 09/2025, SS 09/2027, Chinese owners
Star Pyxis	2013	China	56,615	17.50	Greek	Scrubber fitted, DD 09/2026, SS 09/2028, Chinese owners
Arkadia	2012	Hyundai Vinashin-Vietnam	56,348	37.10	HGF Denizcilik	BWTS fitted, ice class 1A, DD 01/2025, SS 01/2027, Finnish owners
Kumpula	2012	Hyundai Vinashin-Vietnam	56,348			BWTS fitted, ice class 1A, DD 08/2025, SS 05/2027, Finnish owners
Straits Bay	2007	Japan	55,840	14.00	Undisclosed	DD passed 01/2024, next DD/SS 09/2025
Queen Busan	2010	Japan	55,474	17.20	Greek	BWTS fitted, DD/SS 01/2025
BBC Pluto	2010	China	37,495	11.60	Turkish	BWTS fitted, ice class 1C, M/E Wartsila, DD/SS 11/2025
Omnia	2011	Korea	36,787	15.50	Undisclosed	DD 10/2024, SS 08/2026
Asian Bulker	2017	Japan	36,228	24.00	Undisclosed	Semi-box shaped, BWTS & scrubber fitted, log-fitted, DD 05/2025, SS 04/2027, Danish owners
TANKERS						
Seliger	2009	Japan	115,126	46.00	Chinese	To be delivered with DD/SS passed 03/2024
Alpine Aqualina	2011	Korea	105,304	45.50	Undisclosed	Scrubber fitted, DD 10/2025, SS 02/2026, Swiss owners
Hansa Bergen	2007	Korea	51,218	22.20	Undisclosed	Chemical IMO III, epoxy phenolic coated, DD 08/2024, SS 08/2026
Pacific Jewel	2009	Japan	48,012	24.80	Undisclosed	BWTS fitted, DD/SS due 07/2024
Glenda Melody	2011	Korea	47,238	Undisclosed	Undisclosed	BWTS fitted, chemical IMO II/III, DD/SS 10/2025
CONTAINERS						
Athos	2011	Korea	118,888			Incl 2-3 years TC to Hapag Lloyd at 27k usd pd with option 1+1 at usd 32k pd, 9954 teu, scrubber fitted, M/E
Athenian	2011	Korea	118,835	153.00	German	Wartsila, <i>Athos</i> (DD 04/2026, SS 04/2028), <i>Athenian</i> (DD/SS 04/2026), <i>Aristomenis</i> (DD 03/2026, SS 07/2028)
Aristomenis	2011	Korea	118,712			

OTHERS

DS Polaris	1993	Korea	23,256	12.00	Undisclosed	LPG.MGC 20,269 cbm, DD/SS 04/2025
-------------------	------	-------	--------	-------	-------------	---

Bảng minh họa giá trị tàu đã qua sử dụng cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật):

Giá trị tàu hàng khô (đv: triệu đô la Mỹ)		% thay đổi theo (M (month) = tháng)					TB 5 năm	Giá trị tàu dầu/hóa chất (đv: triệu đô la Mỹ)		% thay đổi theo (M (month) = tháng)					TB 5 năm
		03/ 2024	1M	3M	6M	12M				03/ 2024	1M	3M	6M	12M	
CAPE SIZE							VLCC								
180k dwt	Resale	75.50	5%	11%	24%	39%	55.75	310k dwt	Resale	142.00	3%	11%	13%	13%	102.50
180k dwt	5 tuổi	61.50	12%	21%	29%	38%	39.25	310k dwt	5 tuổi	112.00	3%	11%	13%	11%	77.25
170k dwt	10 tuổi	42.50	18%	37%	45%	44%	27.50	250k dwt	10 tuổi	83.00	5%	1%	11%	8%	53.75
150k dwt	15 tuổi	27.00	13%	32%	40%	42%	17.50	250k dwt	15 tuổi	57.00	1%	1%	-2%	-6%	38.50
PANAMAX							SUEZMAX								
82k dwt	Resale	41.50	2%	4%	9%	11%	35.00	160k dwt	Resale	98.50	2%	3%	8%	15%	71.50
82k dwt	5 tuổi	35.50	1%	6%	11%	16%	28.25	150k dwt	5 tuổi	82.50	1%	5%	12%	20%	54.00
76k dwt	10 tuổi	27.00	2%	15%	26%	17%	19.25	150k dwt	10 tuổi	67.50	4%	10%	13%	26%	38.50
74k dwt	15 tuổi	17.50	6%	9%	25%	15%	13.00	150k dwt	15 tuổi	42.00	2%	6%	11%	24%	23.50
SUPRAMAX							AFRAMAX								
62k dwt	Resale	41.00	8%	9%	15%	12%	32.75	110k dwt	Resale	84.00	0%	0%	6%	11%	58.75
58k dwt	5 tuổi	34.00	8%	11%	21%	19%	23.25	110k dwt	5 tuổi	72.50	0%	2%	13%	15%	44.75
56k dwt	10 tuổi	26.50	4%	33%	47%	39%	16.75	105k dwt	10 tuổi	58.00	1%	5%	13%	15%	31.75
52k dwt	15 tuổi	15.50	0%	9%	15%	2%	12.00	105k dwt	15 tuổi	37.00	0%	1%	7%	12%	20.00
HANDYSIZE							MR								
37k dwt	Resale	34.00	0%	0%	6%	15%	27.00	52k dwt	Resale	53.50	0%	1%	5%	10%	41.25
37k dwt	5 tuổi	27.50	0%	2%	15%	10%	20.75	52k dwt	5 tuổi	45.50	1%	3%	12%	8%	32.00
32k dwt	10 tuổi	20.00	8%	14%	25%	18%	13.75	45k dwt	10 tuổi	37.50	6%	9%	19%	15%	22.25
28k dwt	15 tuổi	12.50	0%	9%	25%	14%	8.75	45k dwt	15 tuổi	26.50	0%	4%	10%	23%	14.50

2. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÓNG MỚI:

Type	Size	Price (m.usd)	Qty	Yard	Owners	Delivery	Comments
LNG	175,000 cbm	238.00	2	Dalian Shipbuilding	Sea Jade Investment (a j/v with Wah Kwong, CSSC and China Gas Holdings as partners)	2028	Price per unit
LPG	48,000 cbm	67.50	1	Huangpu Wenchong	Benelux, Greece	2027	
LPG	40,000 cbm	66.00	2+2	Nantong CIMC SOE	Capital	SH 2027 -FH 2028	Price per unit, methanol dual-fuel
Tanker	300,000 dwt	130.00	4	Hyundai Samho	Ray Car Carriers	12/2027	Price per unit
Tanker	18,500 dwt	32.50	8	Fujian Southeast	Pioneer Tankers Singapore	2025/2026	Price per unit, chemical tankers II/III
Bulker	64,000 dwt	34.00	8	Nantong Xiangyu SOE	Xiamen Financial Leasing	2027/2028	Price per unit

Bảng minh họa giá tàu đóng mới cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật)

Giá trị tàu hàng khô đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)				
	03/ 2024	1M	3M	6M	12M
Capesize (180.000 dwt)	65.0	0.00%	0.00%	0.00%	4.00%
Panamax (77.000 dwt)	42.0	0.00%	0.00%	0.00%	16.67%
Supramax (61.000 dwt)	38.0	0.00%	0.00%	0.00%	10.14%
Handysize (37.000 dwt)	34.0	0.00%	0.00%	0.00%	13.33%

Giá trị tàu dầu đầu/hoa chất đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)				
	03/ 2024	1M	3M	6M	12M
VLCC (300.000 dwt)	128.0	0.00%	0.00%	0.79%	5.79%
Suezmax (170.000 dwt)	85.5	0.00%	0.00%	-0.58%	5.56%
A.max (115.000 dwt)	69.0	0.00%	0.00%	0.73%	7.81%
MR (56.000 dwt)	47.5	0.00%	0.00%	0.00%	6.74%

3. THỊ TRƯỜNG THUÊ TÀU

3.1. Thị trường thuê tàu hàng khô:

Thị trường **Ultramax** và **Supramax** tuần qua vẫn ổn định suốt cả tuần qua trước khi bắt đầu tăng vào cuối tuần. Các chuyến hàng ở Vịnh Hoa Kỳ và Đại Tây Dương đang có dấu hiệu tích cực, dự kiến sẽ tăng vào tuần này. Cước trung bình trong tuần đóng cửa ở mức 14.585 đô la Mỹ, tăng 92 đô la Mỹ so với mức 14.493 đô la Mỹ của tuần trước. Phía Thái Bình Dương, Golden Bricks chốt tàu **Lynux Vision** (61.114 dwt, đóng 2014) chở thép đi từ Kendari (21/03) qua Bahodopo đến Philippines với giá khoảng 20.000 đô la Mỹ. Tàu **PMS Enzian** (61.621 dwt, đóng 2015) được chốt đi ngay tiwf Bahodopo đến Vịnh Hoa Kỳ với giá khoảng 13.000 đô la Mỹ cho 60 ngày đầu tiên và 20.000 đô la Mỹ cho các ngày sau đó, Fullinks chốt tàu **Trans Autumn** (56.838 dwt, đóng 2012) đi từ Kendari (18-19/03) qua Ấn Độ đến Trung Quốc với giá khoảng 17.500 đô la Mỹ. Cùng lúc ở Ấn Độ Dương, tàu **ND Maritsa** (61.272 dwt, đóng 2016) được chốt đi từ Chittagong (05-06/03) qua Payra đến Trung Quốc với giá khoảng 18.750 đô la Mỹ, tàu **Western Eyde** (55.816 dwt, đóng 2014) được chốt đi từ Hazira qua Salalah đến Bangladesh với giá khoảng 19.000 đô la Mỹ. Ở Đại Tây Dương, Olam chốt tàu **Port Tokyo** (63.475 dwt, đóng 2019) đi ngay từ Paranagua đến Trung Quốc với giá khoảng 18.000 đô la Mỹ cộng thêm 800.000 đô la Mỹ chi phí ballast, XO Shipping chốt tàu **Equinox Galini** (58.680 dwt, đóng 2012) đi từ Liverpool (09-11/03) qua Morocco đến Ấn Độ (đi qua Mũi Hào Vọng) với giá khoảng 20.000 đô la Mỹ, tàu **Red Fin** (56.780 dwt, đóng 2011) được chốt đi ngay từ Fazendinha đến Oran với giá khoảng 16.500 đô la Mỹ.

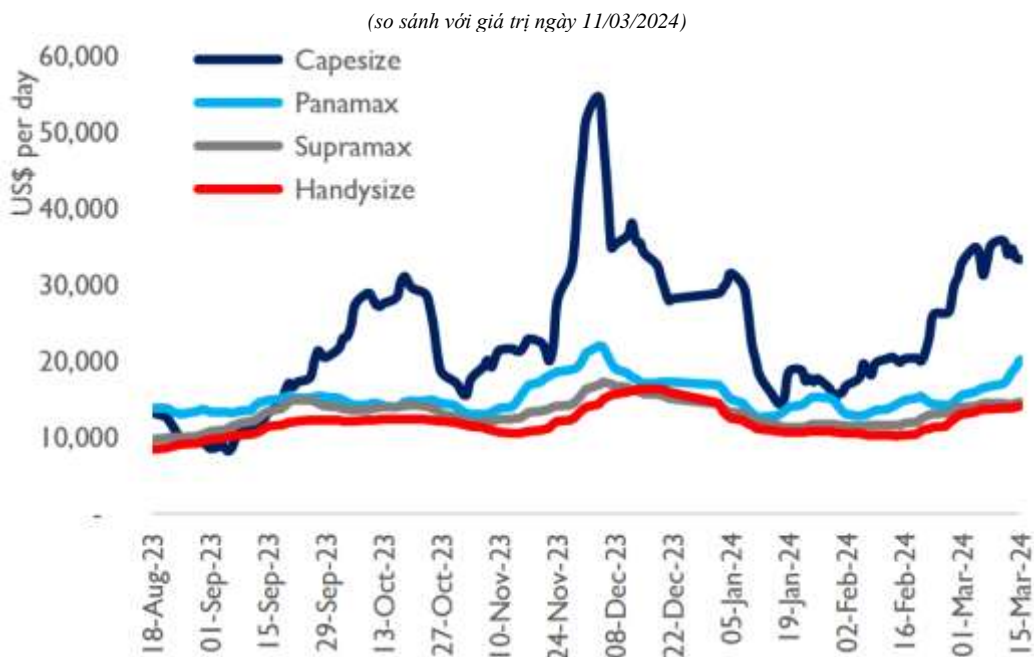
Hoạt động vận tải ở Đại Tây Dương tăng đáng kể, cước trung bình phân khúc **Handies** trong tuần qua đóng cửa ở mức 14.057 đô la Mỹ, tăng 316 đô la Mỹ so với mức 13.741 đô la Mỹ của tuần trước. Sự lạc quan lan rộng khắp Continent và Địa Trung Hải, nhu cầu chở hàng tăng giúp cước ở Baltic cũng tăng mạnh. Phía Địa Trung Hải cũng có tình trạng tương tự, thiếu tàu giao ngay giúp đẩy cước tăng. Cùng lúc ở Vịnh Hoa Kỳ, các chủ tàu đang yêu cầu tăng nhẹ cước do số lượng tàu chờ đang giảm. Tàu **Fiora Topic** (34.356, đóng 2015) neo ở Otranto được Ultrabulk chốt qua Đông Địa Trung Hải và trả tàu ở Vịnh Hoa Kỳ với giá khoảng 13.000 đô la Mỹ. Tàu **Rila** (41.536 dwt, đóng 2017) được chốt đi từ thành phố Panama đến Anh-Châu Âu với hàng dự kiến là viên gỗ dăm với mức giá khoảng 11.000 đô la Mỹ. Tàu **SSI Meral Hanim** (37.238 dwt, đóng 2011) neo ở Cảng Everglades được chốt giao nguyên trạng đi từ Vila Do Conde đến Na Uy, dự kiến chở nhôm với giá khoảng 15.000 đô la Mỹ. Thị trường Châu Á cho thấy tia hy vọng với sự cải thiện nhẹ về nguồn cung hàng hoá mặc dù hoạt động vận tải còn hạn chế, điều này mang lại sự tiềm năng thị trường sẽ sớm cải thiện ở những tuần tiếp theo. Các tàu ở khu vực Bắc Trung Quốc-Nhật Bản cũng đang được tìm kiếm trong nhưng ngày gần đây. Một tàu khoảng 32.000 dwt neo ở Đông Nam Á được chốt chuyến backhaul với giá khoảng 11.500 đô la Mỹ. Tàu **Apex Voyager** (37.717 dwt, đóng 2019) neo ở Yangon được chốt khoảng 2-3 chuyến với giá khoảng 17.500 đô la Mỹ.

Bảng tham khảo cước một số khu vực trên thế giới trong Tuần 11/2024 vừa qua:

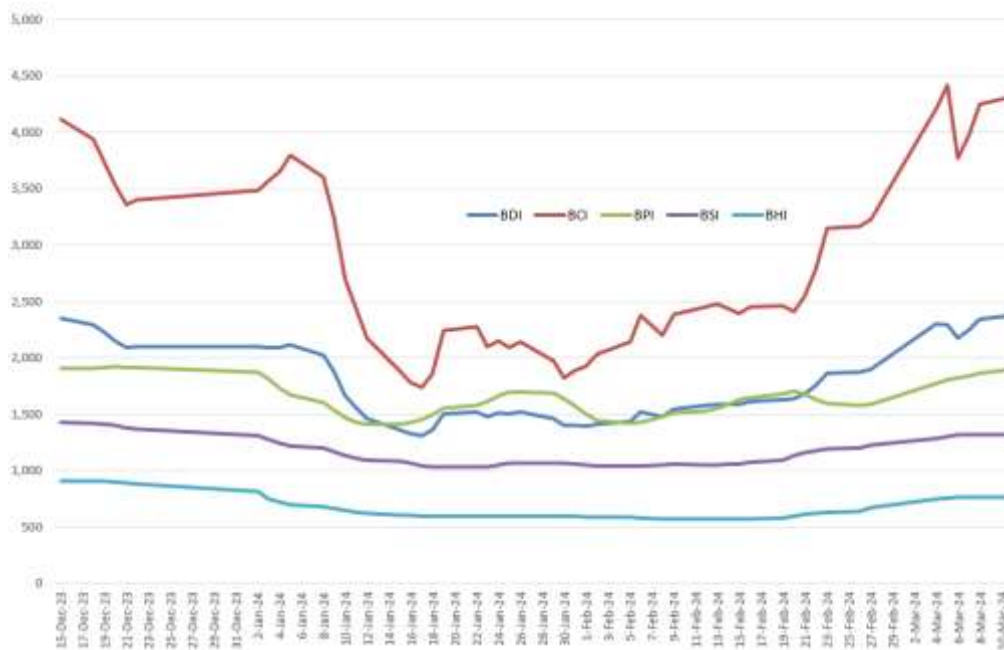
RATES/PANAMAX (USD/DAY, USD/TON)	TUẦN 11/2024	TUẦN 10/2024	Mức thấp nhất năm 2024 (cập nhật tới Tuần 11)	Mức cao nhất năm 2024 (cập nhật tới Tuần 11)
TRANSATLANTIC RV	14,805	12,260	13,485	19,250
TCT CONT/F.EAST	27,764	24,091	22,341	26,223
TCT F.EAST/CONT	8,150	7,680	4,910	8,150
TCT F.EAST RV	18,538	18,401	10,271	18,538
RATES/SUPRAMAX (USD/DAY)				
ATLANTIC RV	13,834	12,157	12,550	20,071
PACIFIC RV	13,413	13,644	8,625	13,644
TCT CONT/F.EAST	26,633	26,125	20,958	26,633

GIÁ THUÊ T/C TRUNG BÌNH TÀU HÀNG KHÔ THAM KHẢO NGÀY 15/03/2024

	US\$/ngày	▲/▼	
SUPRAMAX	14,585	▲	92
HANDIES 38K	14,057	▲	343



CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU HÀNG KHÔ



3.2. Thị trường thuê tàu dầu/hóa chất:

Tại thời điểm báo cáo giá dầu WTI ở mức 82,79 đô la Mỹ/thùng, tăng 2,07% (tương đương tăng 1,68 đô la Mỹ/thùng). Tương tự, giá dầu Brent ở mức 86,87 đô la Mỹ/thùng, tăng 1,79% (tương đương tăng 1,53 đô la Mỹ/thùng) so với phiên giao dịch trước đó. Theo ghi nhận, giá dầu tăng khoảng 2% lên mức cao nhất trong 4 tháng trong phiên giao dịch hôm nay, do xuất khẩu dầu thô từ Iraq và Ả Rập Saudi giảm và các dấu hiệu nhu cầu và tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ hơn ở Trung Quốc và Mỹ.

Về phía nguồn cung, Iraq, nhà sản xuất lớn thứ hai của OPEC, cho biết họ sẽ giảm xuất khẩu dầu thô xuống 3,3 triệu thùng/ngày (bpd) trong những tháng tới để bù đắp cho việc vượt hạn ngạch OPEC+ kể từ tháng 1, một cam kết sẽ cắt giảm xuất khẩu 130.000 thùng/ngày. từ tháng trước. Cùng với đó, tại Saudi Arabia, nhà sản xuất lớn nhất của OPEC, xuất khẩu dầu thô giảm tháng thứ hai liên tiếp, xuống 6,297 triệu thùng/ngày trong tháng 1 từ mức 6,308 triệu thùng/ngày trong tháng 12. Ngoài ra, tại Nga, các cuộc tấn công của Ukraine nhằm vào cơ sở hạ tầng năng lượng đã khiến khoảng 7% công suất lọc dầu không hoạt động trong quý đầu tiên.

3.2.1 Phân khúc tàu chở dầu thô

Phân khúc tàu VLCC

Các giao dịch tại khu vực Trung Đông đang diễn ra khá ổn định do người thuê đang cố gắng ký kết những lô hàng còn lại trong tháng 3. Theo ghi nhận, cước trên tuyến Trung Đông đi Trung Quốc tăng nhẹ 1 điểm so với tuần trước đó và hiện đang ở mức WS 72 – tương đương với khoảng 49.740 đô la Mỹ/ngày. Bên cạnh đó, cước trên tuyến Tây Phi đi Trung Quốc cũng đã tăng nhẹ 2 điểm lên mức WS 74.

Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ/ngày)	Xu hướng so với tuần trước
Trung Đông/ Trung Quốc	48.910	49.740	↑
USG/Trung Quốc	44.880	44.700	↓

<p>Phân khúc tàu Suezmax</p>	<p>Xu hướng trầm lắng vẫn đang tiếp diễn ở khu vực Trung Đông cộng thêm những bất ổn về chính trị tại Biển Đỏ đã ảnh hưởng lớn tới các giao dịch thương mại từ thị trường Trung Quốc. Theo tổng hợp, cước trên tuyến Trung Đông đi Địa Trung Hải và Tây Phi/Cont đang lần lượt được ký kết quanh mức WS 96 và WS 106.</p> <table border="1" data-bbox="475 293 1474 562"> <thead> <tr> <th>Tuyến</th> <th>Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)</th> <th>Cước TCE tuần này (đô la Mỹ/ngày)</th> <th>Xu hướng so với tuần trước</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Tây Phi / Cont</td> <td>38.000</td> <td>37.760</td> <td style="text-align: center;">↓</td> </tr> <tr> <td>Biển Đen/ Địa Trung Hải</td> <td>37.200</td> <td>36.730</td> <td style="text-align: center;">↓</td> </tr> </tbody> </table>	Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ/ngày)	Xu hướng so với tuần trước	Tây Phi / Cont	38.000	37.760	↓	Biển Đen/ Địa Trung Hải	37.200	36.730	↓				
Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ/ngày)	Xu hướng so với tuần trước														
Tây Phi / Cont	38.000	37.760	↓														
Biển Đen/ Địa Trung Hải	37.200	36.730	↓														
<p>Phân khúc tàu Aframax</p>	<p>Theo ghi nhận, cước tàu Aframax tại khu vực Biển Bắc có chiều hướng tăng do nguồn cung tàu đang được thắt chặt. Cụ thể, cước trên tuyến x-UKC đang được ký kết quanh mức WS 133 – tăng khoảng 8 điểm so với tuần trước đó. Bên cạnh đó, cước từ Ceyhan đi Lavera tăng mạnh lên mức WS 174. Nhìn chung, phân khúc tàu Aframax đang được duy trì ở mức ổn định trên hầu hết tất cả các tuyến.</p> <table border="1" data-bbox="475 819 1474 1133"> <thead> <tr> <th>Tuyến</th> <th>Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)</th> <th>Cước TCE tuần này (đô la Mỹ/ngày)</th> <th>Xu hướng so với tuần trước</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Trung Đông/ Singapore</td> <td>44.880</td> <td>46.570</td> <td style="text-align: center;">↑</td> </tr> <tr> <td>Caribs/USG</td> <td>38.250</td> <td>36.720</td> <td style="text-align: center;">↓</td> </tr> <tr> <td>Châu Á/Úc</td> <td>35.130</td> <td>38.760</td> <td style="text-align: center;">↑</td> </tr> </tbody> </table>	Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ/ngày)	Xu hướng so với tuần trước	Trung Đông/ Singapore	44.880	46.570	↑	Caribs/USG	38.250	36.720	↓	Châu Á/Úc	35.130	38.760	↑
Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ/ngày)	Xu hướng so với tuần trước														
Trung Đông/ Singapore	44.880	46.570	↑														
Caribs/USG	38.250	36.720	↓														
Châu Á/Úc	35.130	38.760	↑														

3.2.2 Phân khúc tàu chở dầu thành phẩm/ hóa chất:

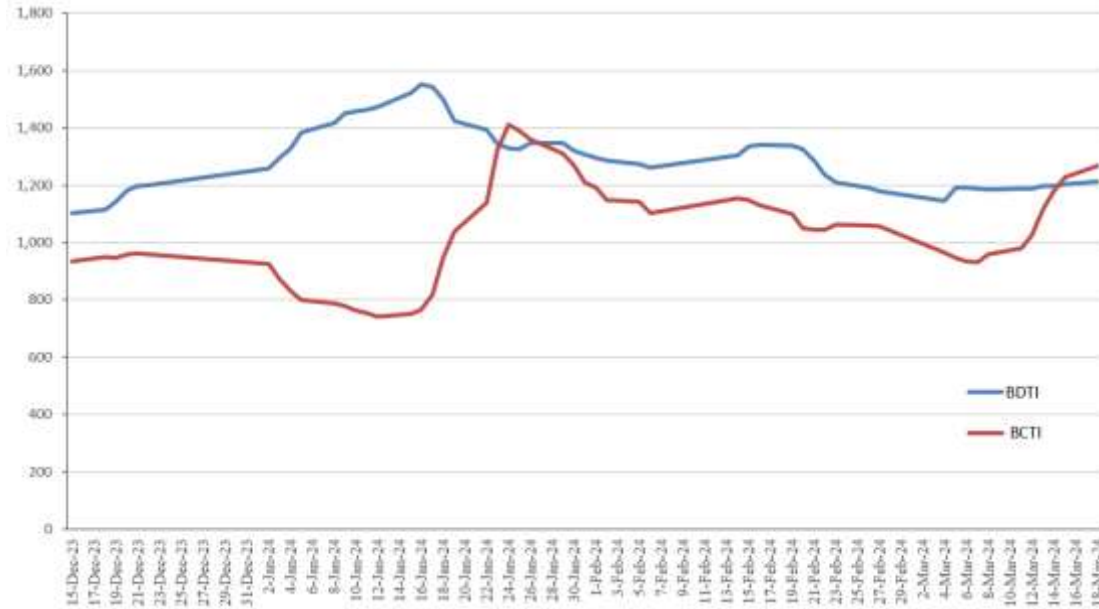
Đối với phân khúc **tàu MR**: Các giao dịch của tàu MR hoạt động tại khu vực USG đang diễn ra khá trầm lắng trong tuần vừa qua và cước đang có xu hướng giảm. Có một số giả thiết được đưa ra như: tình hình sương mù tại khu vực kéo dài hơn 10 ngày khiến lịch trình của nhiều tàu bị thay đổi hay các giao dịch hàng hóa từ US giảm. Tại khu vực UKC, cước vẫn ở mức ổn định do nguồn cung tàu tại khu vực đang được thắt chặt. Theo ghi nhận, cước trên tuyến Cont/USAC tăng 40 điểm so với tuần trước đó, và hiện đang ở mức WS 230 – tương đương với khoảng 29.170 đô la Mỹ/ngày. Tại khu vực Trung Đông, ghi nhận cước trên tuyến Trung Đông/Đông Phi tiếp tục ổn định quanh mức WS 352, tăng khoảng 20 điểm so với tuần trước đó.

Phân khúc tàu dầu/hóa chất nhỏ: Các giao dịch đi khu vực phía Bắc vẫn tiếp tục duy trì xu hướng mềm mỏng trong tuần vừa qua. Thị trường ghi nhận một ít đơn hàng chở BTX trong đầu tháng 4 từ Hengyi. Người thuê đang nhắm tới mức cước lần lượt 24-25 đô la Mỹ/tấn và 27-29 đô la Mỹ/tấn đi phía nam và trung Trung Quốc. Tại khu vực Viễn đông, tình trạng thiếu hụt nguồn cung tàu vẫn đang diễn ra. Theo ghi nhận, cước chở 10-15.000 tấn hóa chất/baseoil từ Hàn Quốc đi WCI đang được ký kết quanh mức 70 đô la Mỹ/tấn. Đối với hàng dầu cọ, ghi nhận các đơn hàng 10-12.000 tấn đi ECI và 15-19.000 tấn đi WCI lần lượt dao động quanh mức 35-37 đô la Mỹ/tấn và 46-48 đô la Mỹ/tấn (cước có thể cao hoặc thấp hơn một vài đô tùy thuộc vào cảng xếp và trả hàng). Tại khu vực Trung Đông, các giao dịch cũng có phần sôi động hơn bất chấp dịp lễ Ramadan. Đơn cử, cước trên tuyến AG/WCI đang ở mức 46-48 đô la Mỹ/tấn – tăng từ mức 38-43 đô la Mỹ/tấn trong một vài tuần trước đó. Nhìn chung, tâm lý thị trường đang ở mức lạc quan trên hầu hết tất cả các tuyến.

Bảng minh họa giá thuê tàu định hạn cập nhật theo số liệu gần nhất (US\$/ngày):

	Giá thuê tàu định hạn tuần 11/2024			Giá thuê tàu định hạn tuần 10/2024		
	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM
VLCC	52,000	47,000	41,000	51,000	46,000	40,000
SUEZMAX	45,000	39,000	34,000	45,000	39,000	34,000
AFRAMAX	45,500	39,500	33,500	46,000	39,500	33,500
LR-2	45,000	39,000	32,500	45,000	39,000	33,000
LR-1	38,000	31,000	27,000	38,500	31,500	27,000
MR	31,500	27,000	22,500	32,000	27,000	22,500
HANDY	27,500	21,000	18,000	27,500	21,500	18,500

CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU DẦU



4. THỊ TRƯỜNG TÀU PHÁ DỠ

Do thị trường thuê tàu cũng như mua bán tàu vẫn đang lạc quan, nên thị trường tàu phá dỡ hiện khan hiếm rõ rệt nguồn cung tàu. Ngoài ra, lễ Ramadan đã bắt đầu từ ngày 10/3 (dự kiến kế thúc ngày 9/4) cho nên thị trường sẽ chậm lại ở Thổ Nhĩ Kỳ - vốn đang chật vật vì đồng Lira nội địa giảm mạnh. Ấn Độ cũng không khả quan mấy khi giá thép nội địa kém (do nguồn thép Trung Quốc nhập khẩu đã quay trở lại) cũng như tỷ giá đồng Rupee giảm (đang không ổn định một phần vì đất nước chuẩn bị diễn ra tổng tuyển cử). Do đó, trọng tâm ngành đang chuyển hướng sang Bangladesh và Pakistan.

GIÁ PHÁ DỠ THAM KHẢO

(dành cho tàu có lt > 5.000)

STT	Giao tại	Tàu hàng rời		Tàu dầu		Tàu container	
		US\$	▼/▲	US\$	▼/▲	US\$	▼/▲
1	India	480		500		520	
2	Pakistan	500		520		540	
3	Bangladesh	510		530		550	
4	Turkey	320		330		340	

(đơn vị tính: usd/lt ldt. 1 lt = 1.017 mt ldt)

MỘT SỐ TÀU PHÁ DỠ GHI NHẬN TRONG TUẦN 11/2024

Name	Type	Blt year	LDT	Demolition place	Price (US\$/t)	Dwt	Comments
Jahan Brothers	Tankers	1994	8,032	Bangladesh	-	43,648	
MSC Rossella	Containers	1993	13,305	India	530.00	43,605	
Bos Lina	Containers	1991	3,287	India	505.00	11,365	

CÔNG TY MÔI GIỚI TÀU BIÊN TIÊN PHONG
PIONEER SHIPBROKERS
MUA – BÁN – THUÊ TÀU

Email: snp@pioneershipbrokers.com.vn

*Các thông tin trên được chúng tôi tập hợp từ các nguồn thông tin khác nhau và chỉ mang tính tham khảo.
Chúng tôi không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào liên quan đến tính chính xác của các thông tin trên.*